

Bản án số: 50/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 05-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Ông Phan Quang Đáng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐ-TA ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Trà M, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M1, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Trà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M1 trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới vào chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi, bất hòa, nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị M xin ly hôn với anh M1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 22/02/2006, giới tính nam và Nguyễn Minh A, sinh ngày 22/10/2011, giới tính nữ. Đối với cháu Q đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Minh A, không yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn M1** vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Trần Trà M** đối với anh **Nguyễn Văn M1**. Về con chung: Giao **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 22/10/2011, giới tính nữ cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **M1** không phải cấp dưỡng nuôi con, anh **M1** được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh **Nguyễn Văn M1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh **M1**.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị **Trần Trà M** yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với anh **Nguyễn Văn M1** nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, chị **M** và anh **M1** chung sống như vợ chồng từ năm 2004 đến nay, anh chị có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hôn nhân của anh chị. Chị **M** và anh **M1** không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Trần Trà M** với anh **Nguyễn Văn M1**.

[4] *Về con chung*: Chị **M** và anh **M1** có 02 người con chung tên **Nguyễn Minh Q**, sinh ngày 22/02/2006, giới tính nam và **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 22/10/2011, giới tính nữ. Đối với cháu **Q** đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Qua xác minh, hiện cháu **Minh A** đang sống chung cùng chị **M**, cuộc sống được đảm bảo và nguyện vọng của cháu **Minh A** mong muốn sống cùng chị **M**. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu **Minh A** nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu **Minh A** cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **M1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **M1** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.,

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị **M** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0005431 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Trần Trà M** với anh **Nguyễn Văn M1**.

2- Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 22/10/2011, giới tính nữ cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng (cháu **Minh A** hiện đang sống với chị **M** cuộc sống đảm bảo và nguyện vọng của cháu **Minh A** mong muốn sống cùng chị **M**), anh **M1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **M1** có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét .

4- Về án phí sơ thẩm: Chị **Trần Trà M** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0005431 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phượng

